



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020024	Dương Phương	Anh	08/10/2004	KD10A	01	301	3,9	01	Anh	le'
2	000002	1001021472	Lục Thảo	Anh	29/02/2004	KD10A	01	302	6,5	01	Anh	chấn
3	000003	1001020931	Nguyễn Minh	Anh	09/07/2004	KD10A	01	303	1,5	01	Anh	le'
4	000004	0810210183	Nguyễn Thị Huệ	Anh	09/07/2002	KD10A	01	304	3,8	01	Anh	chấn
5	000005	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	01	305	5,7	01	Anh	le'
6	000006	1001020004	Nguyễn Tuấn	Anh	22/05/2000	KD10A	01	306	6,8	02	Anh	chấn
7	000007	1001021513	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/12/2004	KD10A	01	307	7,0	01	Anh	le'
8	000008	1001020067	Trần Thị Ngọc	Ánh	07/12/2003	KD10A	01	308	3,3	01	Anh	chấn
9	000009	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	01	309	3,3	01	Anh	le'
10	000010	1001020077	Nguyễn Thanh	Chúc	02/08/2004	KD10A	01	310	7,0	01	Anh	chấn
11	000011	1001021402	Vũ Phương	Đông	10/01/2004	KD10A	01	311	4,3	01	Anh	le'
12	000012	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A	01	312	5,3	01	Anh	chấn
13	000013	1001020097	Phạm Thị Mỹ	Duyên	27/07/2004	KD10A	01	313	1,3	01	Anh	HP an le'
14	000014	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	01	314	3,8	01	Anh	chấn
15	000015	1001020111	Nguyễn Đức	Hải	23/09/2004	KD10A	01	315	7,9	01	Anh	le'
16	000016	1001020969	Hoàng Thu	Hiền	22/12/2004	KD10A	01	316	8,0	01	Anh	chấn
17	000017	1001020970	Trịnh Thị Ngọc	Hiền	24/11/2004	KD10A	01	317	6,3	01	Anh	le'
18	000018	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	01	318	2,8	01	Anh	chấn
19	000019	1001020134	Hoàng Thị	Huế	06/08/2004	KD10A	01	319	5,0	01	Anh	le'
20	000020	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	01	320	3,3	01	Anh	chấn
21	000021	1001020140	Lan	Hương	08/07/2004	KD10A	01	321	6,0	01	Anh	le'
22	000022	1001020149	Lê Phương Khánh	Huyền	09/07/2004	KD10A	01	322	7,8	01	Anh	HP an chấn
23	000023	1001021410	Trần Thị Thanh	Huyền	29/09/2003	KD10A	01	323	5,3	01	Anh	le'
24	000024	1001021360	Bùi Thị Thu	Lan	09/07/2004	KD10A	01	324	5,0	01	Anh	chấn
25	000025	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	01	325	2,7	01	Anh	le'
26	000026	1001020166	Đồng Thị Ngọc	Linh	25/08/2004	KD10A	01	326	1,8	01	Anh	chấn
27	000027	1001020178	Thân Ánh	Linh	20/09/2004	KD10A	01	327	4,8	01	Anh	le'
28	000028	1001020179	Trần Như	Linh	20/12/2004	KD10A	01	328	9,0	01	Anh	chấn
29	000029	1001020185	Nguyễn Khánh	Ly	03/09/2004	KD10A	01	329	3,0	01	Anh	le'
30	000030	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	01	330	0,8	01	Anh	chấn
31	000031	1001021409	Vũ Thị Phương	Mai	25/08/2003	KD10A	01	331	5,4	01	Anh	le'
32	000032	1001020212	Trần Ánh	Ngân	12/08/2004	KD10A	01	332	3,8	01	Anh	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 0

Ngày ... tháng ... năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thu

Bùi Phú Nhung



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

chẵn/lẻ?

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000033	1001020213	Trần Thị	Ngân	09/11/2004	KD10A	01	270	8,0	1	Ngân	lẻ
2	000034	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	01	271	4,0	1	Ngọc	chẵn
3	000035	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	01	272	7,8	1	Nhi	lẻ?
4	000036	1001021036	Ngô Thị Yến	Nhi	11/12/2004	KD10A	01	273	7,3	1	Nhi	chẵn
5	000037	1001021038	Hà Thị	Nhung	04/02/2004	KD10A	01	274	8,3	1	Nhung	lẻ
6	000038	1001020244	Trần Thục	Oanh	30/03/2004	KD10A	01	275	0,5	1	Oanh	chẵn
7	000039	1001020264	Phạm Như	Quỳnh	23/10/2004	KD10A	01	276	8,8	1	Quỳnh	lẻ
8	000040	1001020685	Đào Diễm	Tâm	23/10/2004	KD10A	01	277	4,8	1	Tâm	chẵn
9	000041	1001020275	Khúc Phương	Thảo	21/12/2004	KD10A	01	278	1,3	1	Thảo	lẻ
10	000042	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	01	279	1,3	1	Thảo	chẵn
11	000043	1001020284	Nhạc Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	KD10A	01	280	2,8	1	Thanh	lẻ
12	000044	1001021064	Trịnh Anh	Thơ	29/08/2004	KD10A	01	281	9,5	1	Thơ	chẵn
13	000045	1001020294	Vũ Thị Thanh	Thư	30/10/2004	KD10A	01	282	9,3	1	Thư	lẻ
14	000046	1001020300	Vũ Thu	Thủy	23/07/2004	KD10A	01	283	Một	1	Thu	chẵn
15	000047	1001020309	Đỗ Quỳnh	Trang	20/08/2004	KD10A	01	284	3,8	1	Trang	lẻ?
16	000048	1001020314	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2004	KD10A	01	285	Một	1	Trang	chẵn
17	000049	0810211236	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/12/2002	KD10A	01	286	2,8	1	Th	lẻ?
18	000050	1001021580	Phạm Thị	Trình	06/12/2004	KD10A	01					HP,ĐK
19	000051	1001020329	Nguyễn Thị Tố	Uyên	23/04/2004	KD10A	01	287	5,3	1	Uyên	lẻ?
20	000052	1001020331	Ngô Thị Thùy	Vân	22/01/2004	KD10A	01	288	0,3	1	Vân	chẵn
21	000053	1001020338	Nguyễn Thị Ngọc	Vui	31/07/2004	KD10A	01	289	5,8	1	Vui	lẻ?
22	000054	1001021089	Ngô Hải	Yến	24/10/2004	KD10A	01	290	6,0	1	Vân	chẵn
23	000055	0810210670	Trịnh Trọng	Đức	15/12/2002	KD8E	01	291	3,5	1	Đức	lẻ
24	000056	0901020832	Hoàng Đức	Bình	04/06/2003	KD9G	01	292	5,5	1	Bình	chẵn
25	000057	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	01	293	0,8	1	Ngân	HP,ĐK
26	000058	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	01	294	0,5	1	Trang	chẵn
27	000059	1001020018	Đặng Tú	Anh	21/03/2004	KD10B	02	295	4,0	1	Anh	lẻ
28	000060	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	02	296	1,5	1	Anh	chẵn
29	000061	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	02	297	3,0	1	Anh	lẻ
30	000062	1001020045	Nguyễn Thị Phương	Anh	06/08/2004	KD10B	02	298	2,0	1	Anh	chẵn
31	000063	1001020055	Trần Thị Vân	Anh	01/11/2004	KD10B	02	299	6,0	1	Anh	lẻ?
32	000064	1001020063	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/07/2004	KD10B	02	300	8,8	1	Ánh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 0

Ngày 18 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Diệp
Phạm Thị Loan



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000065	0901020124	Nguyễn Quỳnh	Chi	10/01/2003	KD10B	02					ĐK
2	000066	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	02	219	4,0	1	Cường	Chấn
3	000067	1001020084	Đỗ Thị Thùy	Dung	28/03/2004	KD10B	02	212	4,8	1	Dung	Lê
4	000068	1001021408	Cao Thị	Giang	19/10/2004	KD10B	02	213	4,0	1	Arang	chấn
5	000069	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	02	214	2,5	1	Hà	lê
6	000070	1001020120	Dương Thị	Hiền	20/07/2004	KD10B	02	215	9,5	2	Hoàn	chấn
7	000071	1001020122	Trịnh Thị Thanh	Hiền	17/10/2002	KD10B	02	216	5,3	1	Hiền	lê
8	000072	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	02	217	0,8	1	Hoàn	chấn
9	000073	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	02	218	6,5	1	Hùng	lê
10	000074	1001021403	Ngô Thị	Hương	24/05/2004	KD10B	02	219	3,3	1	Hương	chấn
11	000075	1001020983	Trần Vũ Lan	Hương	25/01/2004	KD10B	02	220	7,0	1	Hương	lê
12	000076	1001021750	Lê Thị	Huyền	30/04/2004	KD10B	02	221	5,3	1	Huyền	chấn
13	000077	1001021416	Nguyễn Thị Minh	Khuê	30/08/2004	KD10B	02	222	8,5	1	Khuê	lê
14	000078	1001020159	Đào Hoàng	Lan	15/11/2004	KD10B	02	223	0,8	1	Lan	chấn
15	000079	1001020174	Nguyễn Nhật	Linh	08/12/2003	KD10B	02	224	7,0	02	linh	lê
16	000080	1001020182	Vũ Thùy	Linh	25/08/2004	KD10B	02	225	5,0	1	Linh	chấn
17	000081	1001020186	Nguyễn Phương	Ly	13/11/2004	KD10B	02	226	3,0	1	ly	lê
18	000082	1001020192	Nguyễn Phan Thị Xuân Mai		21/12/2004	KD10B	02	227	5,3	1	Mai	chấn
19	000083	1001020198	Phạm Thị	Mến	23/07/2004	KD10B	02	228	5,8	1	Mai	lê
20	000084	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B	02	229	2,5	1	Nghĩa	chấn
21	000085	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	02	230	1,3	1	Ngọc	lê
22	000086	1001020232	Nguyễn Tuyết	Nhi	28/09/2004	KD10B	02	231	4,8	1	Nhi	chấn
23	000087	1001020239	Lê Hồng	Nhung	04/02/2004	KD10B	02	232	4,0	1	Nhung	lê
24	000088	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	02	233	2,5	1	Oanh	chấn
25	000089	1001020252	Nhâm Trần Mai	Phương	16/05/2003	KD10B	02	234	4,0	1	phương	lê
26	000090	1001020259	Chu Thị	Quỳnh	17/08/2004	KD10B	02	235	7,8	1	Quỳnh	chấn
27	000091	1001021051	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	KD10B	02	236	1,5	1	Quỳnh	lê
28	000092	1001020268	Đỗ Thanh	Tâm	20/12/2004	KD10B	02	237	9,1	2	Tâm	chấn
29	000093	1001020273	Đinh Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	KD10B	02	238	4,3	1	Thảo	lê
30	000094	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	02	239	0,3	1	Thảo	chấn
31	000095	1001021427	Nguyễn Thị	Thảo	30/05/2004	KD10B	02	240	4,5	1	Thảo	lê

Tổng số sinh viên dự thi: 31...

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 18 tháng 12 năm 2024

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Vân



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000096	1001021446	Nguyễn Thị	Thoa	28/08/1999	KD10B	02	59	4,0	01	Thoa	
2	000097	1001020301	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	03/06/2004	KD10B	02	60	9,4	01	Tiên	
3	000098	1001020899	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Trần	17/12/2004	KD10B	02	61	3,8	01	Trần	
4	000099	1001020315	Nguyễn Thị Kiều	Trang	24/07/2004	KD10B	02	62	6,1	01	Trang	
5	000100	1001020316	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/08/2004	KD10B	02	63	3,0	01	Trang	
6	000101	1001021080	Lê Thanh	Trúc	07/05/2004	KD10B	02	64	5,8	01	Trúc	
7	000102	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	02	65	3,0	01	Tường	
8	000103	0810210844	Bế Thu	Uyên	22/07/2002	KD10B	02	66	1,3	01	Uyên	
9	000104	1001020330	Trịnh Thu	Uyên	01/01/2004	KD10B	02	67	4,3	01	Uyên	
10	000105	1001021444	Nguyễn Hoàng Yến	Vy	31/07/2004	KD10B	02	68	9,0	02	Vy	
11	000106	1001020345	Trịnh Thị Hải	Yến	20/07/2004	KD10B	02	69	5,5	01	Yến	
12	000107	0810210486	Ngô Đức	Thiện	24/06/2002	KD8D	02	70	3,5 - không	01	Thiện	BB
13	000108	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	02	71	0,8	01	Hà	HP
14	000109	0901030207	Ngô Minh	Hiền	30/05/2003	KD9D	02	72	1,6	01	Hiền	
15	000110	1001020019	Đinh Thị Lan	Anh	08/04/2004	KD10C	03	73	6,0	01	Anh	
16	000111	1001020025	Hoàng Thị Mai	Anh	02/08/2004	KD10C	03	74	6,5	01	Anh	
17	000112	1001020034	Ngô Ngọc	Anh	05/12/2004	KD10C	03	75	3,0	01	Anh	
18	000113	1001020041	Nguyễn Phương	Anh	24/07/2004	KD10C	03	76	7,6	01	Anh	
19	000114	1001021425	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/12/2004	KD10C	03	77	2,8	01	Anh	
20	000115	1001020934	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/02/2004	KD10C	03	78	5,7	02	Anh	
21	000116	1001021405	Trịnh Ngọc	Anh	21/06/2004	KD10C	03	79	5,5	01	Anh	
22	000117	1001020062	Phạm Hồng	Ánh	19/08/2004	KD10C	03	80	8,2	01	Anh	
23	000118	1001020075	Nguyễn Thị Mai	Chi	24/09/2004	KD10C	03	81	4,0	01	Chi	
24	000119	1001020080	Hoàng Anh	Đào	24/10/2002	KD10C	03	82	8,4	01	Đào	
25	000120	1001020085	Lê Thị Thùy	Dung	05/12/2004	KD10C	03	83	7,3	01	Dung	
26	000121	1001020087	Nguyễn Thị Thanh	Dung	17/03/2004	KD10C	03	84	7,7	01	Dung	
27	000122	1001020093	Nguyễn Thị Thùy	Dương	30/05/2004	KD10C	03	85	5,3	01	Dương	
28	000123	1001020112	Bùi Thanh	Hằng	19/12/2004	KD10C	03	86	6,1	01	Hằng	
29	000124	1001020968	Đỗ Thị Thu	Hiền	22/01/2004	KD10C	03	87	6,3	01	Hiền	
30	000125	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	03	88	3,5	01	Hiền	
31	000126	1001020133	Đường Huy	Hoàng	10/01/2004	KD10C	03	89	5,5	01	Hoàng	

Tổng số sinh viên dự thi:....31....

Tổng số tờ giấy thi:.....33

Tổng số biên bản:.....01....

Ngày: 18... tháng 06 Năm 2024

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thanh Hà

Bùi Thị Minh Nhân



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000127	1001020141	Ngô Thu	Hương	12/03/2003	KD10C	03	121	9,5	02	Hương	Lẻ
2	000128	1001020442	Nguyễn Thị Minh	Huyền	02/12/2004	KD10C	03	122	6,3	01	Huyền	Chẵn
3	000129	1001021442	Đoàn Khánh	Linh	15/01/2004	KD10C	03	123	9,0	01	Linh	Lẻ
4	000130	1001020168	Lê Thị Ngọc	Linh	10/11/2004	KD10C	03	124	2,8	01	Linh	Chẵn
5	000131	1001021014	Trần Khánh	Ly	09/10/2004	KD10C	03	125	6,8	02	Ly	Lẻ
6	000132	1001021411	Đỗ Thị Ngọc	Minh	10/08/2004	KD10C	03	126	6,5	01	Minh	Chẵn
7	000133	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	03	127	4,8	01	Nam	Lẻ
8	000134	0901030105	Bùi Minh	Nghĩa	23/12/2003	KD10C	03	128	3,5	01	Nghĩa	Chẵn
9	000135	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	03	129	6,4	01	Ngọc	Lẻ
10	000136	1001021032	Trương Thị	Ngọc	30/07/2004	KD10C	03	130	4,8	01	Ngọc	Chẵn
11	000137	1001020227	Đào Yên	Nhi	18/11/2004	KD10C	03	131	6,8	01	Nhi	Lẻ
12	000138	1001021406	Nguyễn Tuyết	Nhi	13/12/2004	KD10C	03	132	8,5	01	Nhi	Chẵn
13	000139	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	03	133	4,0	01	Nhung	Lẻ
14	000140	1001021559	Vương Minh	Phú	18/10/2004	KD10C	03	134	8,5	02	Phú	Chẵn
15	000141	1001020846	Nguyễn Quỳnh	Phuong	11/07/2004	KD10C	03	135	10,1	01	Phuong	Lẻ
16	000142	1001021049	Lưu Thị Hồng	Quỳnh	18/12/2004	KD10C	03	136	0,8	01	Quỳnh	Chẵn
17	000143	1001021050	Lại Thị Như	Quỳnh	25/01/2004	KD10C	03	137	9,5	01	Quỳnh	Lẻ
18	000144	0810211753	Lý Thị Thanh	Tâm	06/08/2002	KD10C	03					ĐK
19	000145	1001021407	Ngô Minh	Tâm	08/08/2004	KD10C	03	138	4,5	01	Minh	HP Lẻ
20	000146	1001021413	Nguyễn Phương	Thảo	16/06/2004	KD10C	03	139	3,5	01	Thảo	Chẵn
21	000147	1001021058	Nguyễn Phương	Thảo	17/08/2004	KD10C	03	140	9,5	02	Thảo	Lẻ
22	000148	1001021061	Phạm Phương	Thảo	26/08/2004	KD10C	03	141	4,8	1	Thảo	Chẵn
23	000149	1001020286	Phùng Lê Phương	Thảo	17/09/2004	KD10C	03	142	6,0	1	Thảo	Lẻ
24	000150	1001020371	Nguyễn Thị Ngọc	Thom	01/07/2004	KD10C	03	143	9,0	01	Thom	Chẵn
25	000151	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C	03	144	3,0	01	Thương	Lẻ
26	000152	1001021072	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/10/2003	KD10C	03	145	3,3	01	Trâm	Chẵn
27	000153	1001020310	Lê Thị Thùy	Trang	08/03/2004	KD10C	03	146	3,4	01	Trang	Lẻ
28	000154	1001021575	Luận Thị	Trang	18/08/2004	KD10C	03	147	9,5	01	Trang	Chẵn
29	000155	1001021590	Nguyễn Quỳnh	Trang	12/10/2004	KD10C	03	148	9,3	01	Trang	Lẻ
30	000156	1001021318	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/11/2004	KD10C	03	149	3,5	01	Trang	Chẵn
31	000157	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	03	150	4,3	01	Trung	HP Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 32 + 1 = 33

Tổng số biên bản:

Ngày/.../... tháng ... năm ...

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Huyền

Hoàng T. H. Gray



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000158	1001020328	Lê Ngọc Tài	Tuyển	05/02/2004	KD10C	03	1	8,8	02	Tuyển	chẵn
2	000159	1001020339	Nguyễn Thị	Xuân	13/07/2004	KD10C	03	2	6,8	01	Xuân	lẻ
3	000160	0901020184	Phạm Thị Bích	Ngọc	14/08/2003	KD9D	03	3	3,8	01	Ngọc	chẵn
4	000161	0901010076	Lương Hoàng	Anh	26/09/2003	KD9E	03					ĐK
5	000162	1001020332	Đỗ Hạ	Vi	28/05/2004	KD10B	04	4	6,5	01	Vi	chẵn
6	000163	1001020020	Đỗ Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	04	5	6,8	02	Anh	lẻ
7	000164	1001020026	Hoàng Thị Phương	Anh	03/02/2004	KD10D	04	6	4,0	01	Anh	chẵn
8	000165	1001020035	Nguyễn Châu	Anh	11/12/2004	KD10D	04	7	8,1	01	Anh	lẻ
9	000166	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD10D	04	8	2,0	01	Anh	chẵn
10	000167	1001020047	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/10/2004	KD10D	04	9	6,8	01	Anh	lẻ
11	000168	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	04					HP rỗng
12	000169	1001021133	Trần Thị Kiều	Anh	05/08/2004	KD10D	04	10	8,0	01	Anh	lẻ
13	000170	1001020056	Vũ Nguyễn Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	04	11	3,0	02	Anh	chẵn
14	000171	1001020068	Nguyễn Ngọc	Bích	30/06/2004	KD10D	04	12	2,0	01	Bích	lẻ
15	000172	1001020499	Nguyễn Thị Bảo	Chi	08/09/2004	KD10D	04	13	2,5	01	Chi	chẵn
16	000173	1001021516	Nguyễn Thị Anh	Đào	13/02/2004	KD10D	04	14	4,3	01	Đào	lẻ
17	000174	1001020094	Nguyễn Thuý	Dương	12/02/2004	KD10D	04	15	1,8	01	Dương	chẵn
18	000175	1001021519	Nguyễn Thị Thu	Giang	18/09/2004	KD10D	04	16	8,0	02	Giang	lẻ
19	000176	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	04	17	2,0	01	Hà	chẵn
20	000177	1001020964	Lê Thị Thu	Hằng	04/01/2004	KD10D	04	18	9,5	02	Lê	lẻ
21	000178	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	04	19	5,0	01	Hoa	chẵn
22	000179	1001020137	Đình Lê Quốc	Hưng	03/06/2004	KD10D	04	20	2,5	01	Hưng	lẻ
23	000180	1001020979	Nguyễn Lan	Hương	25/12/2004	KD10D	04	21	9,5	02	Hương	chẵn
24	000181	1001021419	Nguyễn Thị Diệu	Hương	29/07/2004	KD10D	04	22	3,5	01	Hương	lẻ
25	000182	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	04	23	2,3	01	Huy	chẵn
26	000183	1001020150	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/02/2004	KD10D	04	24	4,8	01	Huyền	lẻ
27	000184	1001020153	Trần Quang	Khôi	21/11/2004	KD10D	04	25	1,3	01	Khôi	HP (Đã nộp)
28	000185	1001020155	Lê Thị Vân	Kiều	06/08/2004	KD10D	04	26	9,1	01	Kiều	lẻ
29	000186	1001020999	Đỗ Diệu	Linh	24/10/2004	KD10D	04	27	1,8	01	Linh	chẵn
30	000187	1001020169	Lê Thị Thùy	Linh	26/12/2004	KD10D	04	28	7,3	02	Linh	lẻ
31	000188	1001020176	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/01/2004	KD10D	04	29	8,0	01	Linh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 29...

Tổng số tờ giấy thi: 36...

Tổng số biên bản: 0...

Cán bộ coi thi 1

Ngày 18 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc

Nguyễn Thị



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

li/chaun

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000189	1001020181	Trịnh Thùy	Linh	17/04/2004	KD10D	04	30	1,5	1	Linh	le'
2	000190	1001021010	Đỗ Ngọc Hương	Ly	25/09/2004	KD10D	04	31	5,0	1	ly	chấn
3	000191	1001020187	Dương Ngọc	Mai	31/05/2004	KD10D	04	32	5,5	1	Mai	le'
4	000192	1001020195	Tạ Ngọc	Mai	14/08/2004	KD10D	04	33	9,3	1	Mai	chấn
5	000193	1001020199	Nguyễn Chiêu	Minh	08/07/2004	KD10D	04	34	1,8	1	Minh	le'
6	000194	1001021023	Nông Hoàng	Nam	18/04/2004	KD10D	04	35	1,8	1	Nam	HP
7	000195	1001020216	Lê Thị Bích	Ngọc	15/03/2004	KD10D	04	36	3,8	1	Ngọc	le'
8	000196	1001021614	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	02/12/2004	KD10D	04	37	7,5	2	Nguyệt	chấn
9	000197	1001020228	Đinh Yến	Nhi	03/02/2004	KD10D	04	38	1,5	1	Nhi	le'
10	000198	1001020233	Nguyễn Yến	Nhi	28/11/2004	KD10D	04					HP
11	000199	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	04	39	4,8 = Không	2	Nhung	le'
12	000200	1001020241	Nguyễn Thị	Nhung	22/10/2003	KD10D	04	40	9,3	02	Nhung	chấn
13	000201	1001021122	Ngô Thị Kim	Oanh	13/05/2004	KD10D	04	41	7,5	2	Oanh	le'
14	000202	1001020248	Đinh Thị Quỳnh	Phuong	25/10/2003	KD10D	04	42	5,5	01	Phuong	chấn
15	000203	1001021046	Nguyễn Thị Ánh	Phuong	10/02/2004	KD10D	04	43	4,0 = Không	01	Phuong	le'
16	000204	1001020260	Nguyễn Thị	Quyen	02/11/2004	KD10D	04	44	5,3	01	Quyen	chấn
17	000205	1001020269	Vũ Hồng	Thái	11/07/2004	KD10D	04	45	6,8	01	Thái	le'
18	000206	1001020278	Nguyễn Phương	Thảo	12/11/2004	KD10D	04	46	3,0	1	Thảo	chấn
19	000207	1001021439	Nguyễn Thạch	Thảo	03/07/2004	KD10D	04	47	5,8	1	Thảo	le'
20	000208	1001020290	Phạm Thị	Thom	19/02/2004	KD10D	04	48	6,5	02	Thom	chấn
21	000209	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	04	49	2,0	1	Thúy	le'
22	000210	1001020306	Nguyễn Thị Minh	Trâm	21/09/2004	KD10D	04	50	1,5	1	Trâm	chấn
23	000211	1001020317	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/09/2004	KD10D	04	51	4,0	1	Trang	le'
24	000212	1001020325	Lương Thị Ngọc	Tú	30/12/2004	KD10D	04	52	3,8	1	Tú	chấn
25	000213	1001020334	Đặng Ngọc	Vinh	22/08/2004	KD10D	04	53	8,3	1	Vinh	le'
26	000214	1001021086	Nguyễn Thị	Xuân	23/06/2004	KD10D	04	54	5,3	1	Xuân	chấn
27	000215	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	04					HP
28	000216	0901020304	Nguyễn Thị Thu	Hồng	06/06/2003	KD9M	04	55	0,8	1	Hồng	chấn
29	000217	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	04	56	2,0	1	Linh	le'
30	000218	1001020021	Đỗ Phương	Anh	04/11/2004	KD10E	05	57	5,3	1	Anh	chấn
31	000219	1001020029	Lê Quỳnh	Anh	24/11/2003	KD10E	05	58	1,5	1	Anh	le'

Tổng số sinh viên dự thi:.....29.....

Tổng số tờ giấy thi:.....33.....

Tổng số biên bản:.....02.....

Ngày18 tháng 6... Năm2025.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Quản T. Thu Huyền Vũ Thị Thắng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000220	1001020036	Nguyễn Hà	Anh	14/12/2004	KD10E	05	90	3,6	01	Anh	Chấn
2	000221	1001020042	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/09/2004	KD10E	05	91	7,8	02	Anh	le
3	000222	1001021102	Nguyễn Thị Thảo	Anh	09/10/2004	KD10E	05	92	0,5	01	Anh	chấn
4	000223	1001020051	Nguyễn Việt	Anh	14/04/2003	KD10E	05	93	0,8	01	Anh	le
5	000224	1001020057	Vũ Thảo	Anh	12/02/2004	KD10E	05	94	2,5	01	Anh	chấn
6	000225	1001020060	Nguyễn Thị	Ánh	23/11/2004	KD10E	05	95	8,5	01	Anh	le (8,5)
7	000226	1001020088	Tạ Thùy	Dung	02/03/2004	KD10E	05	96	3,3	01	Dung	chấn
8	000227	1001020095	Nguyễn Thùy	Dương	14/11/2004	KD10E	05	97	2,0	01	Dương	le
9	000228	1001020113	Dương Thanh	Hằng	04/02/2004	KD10E	05	98	4,8	01	Hằng	chấn
10	000229	1001020116	Lê Thị	Hạnh	29/09/2004	KD10E	05	99	6,3	01	Hạnh	le
11	000230	1001020117	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	06/02/2004	KD10E	05	100	2,9	01	Hạnh	chấn
12	000231	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	05	101	5,0	01	Hoa	le
13	000232	1001020789	Trịnh Thị	Huế	11/11/2004	KD10E	05	102	5,8	01	Huế	chấn
14	000233	1001020139	Đường Thị	Hương	08/02/2004	KD10E	05	103	7,5	01	Hương	le
15	000234	1001020151	Nguyễn Thu	Huyền	18/04/2004	KD10E	05	104	5,0	01	Huyền	chấn
16	000235	1001020156	Vũ Thị	Lam	05/10/2004	KD10E	05	105	4,0	01	Lam	le
17	000236	1001020997	Trần Thị Hương	Lan	08/05/2004	KD10E	05	106	5,0	01	Lan	chấn
18	000237	1001020163	Đỗ Thị	Linh	31/03/2004	KD10E	05	107	1,0	01	Linh	HP
19	000238	1001020601	Lưu Thùy	Linh	17/09/2004	KD10E	05	108	1,8	01	Lưu	chấn
20	000239	1001021421	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/02/2004	KD10E	05	109	8,7	02	Linh	le
21	000240	1001021549	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/07/2004	KD10E	05	110	8,8	02	Linh	chấn
22	000241	1001021012	Hoàng Hương	Ly	02/12/2004	KD10E	05	111	2,0	01	Ly	le
23	000242	1001020189	Lê Ngọc	Mai	29/06/2004	KD10E	05	112	7,3	01	Mai	chấn
24	000243	1001021424	Trần Ngọc	Mai	29/02/2004	KD10E	05	113	6,8	01	Mai	le
25	000244	1001020200	Nguyễn Đức	Minh	28/02/2004	KD10E	05	114	6,3	01	Minh	chấn
26	000245	1001020217	Lê Yến	Ngọc	17/12/2004	KD10E	05	115	1,8	01	Ngọc	le
27	000246	1001020223	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	05/12/2004	KD10E	05	116	5,8	01	Nguyệt	chấn
28	000247	1001020234	Phùng Yến	Nhi	06/09/2004	KD10E	05	117	9,0	01	Nhi	le
29	000248	1001021039	Phan Thị Hồng	Nhung	14/05/2004	KD10E	05	118	9,8	02	Nhung	chấn
30	000249	1001021042	Dương Thanh	Phương	16/09/2004	KD10E	05	119	6,0	01	Phương	le
31	000250	1001021560	Nguyễn Thùy	Phương	07/08/2004	KD10E	05	120	1,0	01	Phương	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 31...

Tổng số tờ giấy thi: 35...

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 18 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm T. Mỹ - Lê Thị Phụng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000251	1001020253	Phạm Thị Thu	Phuong	28/02/2004	KD10E	05	333	6,5	01	Phuong	le'
2	000252	1001021418	Nguyễn Hồng	Son	15/11/2004	KD10E	05	334	3,5	01	Son	chấn
3	000253	1001020270	Đỗ Phương	Thanh	07/10/2004	KD10E	05	335	7,0	04	Thanh	le'
4	000254	1001020282	Nguyễn Thanh	Thảo	28/08/2004	KD10E	05	336	7,0	02	Thảo	chấn
5	000255	1001021063	Trịnh Thu	Thảo	12/11/2002	KD10E	05	337	5,8	01	Thảo	le'
6	000256	1001021572	Phan Thị	Thom	29/12/2003	KD10E	05	338	2,0	01	Thom	chấn
7	000257	1001020299	Phạm Thị	Thủy	18/06/2004	KD10E	05					HP,ĐK
8	000258	1001020307	Bùi Thị Huyền	Trang	19/06/2004	KD10E	05	339	4,5	01	Trang	chấn
9	000259	1001020318	Nguyễn Thu	Trang	26/06/2004	KD10E	05	340	7,8	01	Trang	le'
10	000260	1001020321	Phan Minh	Trang	31/10/2004	KD10E	05	341	4,5	01	Trang	chấn
11	000261	1001021320	Trần Đặng Kiều	Trang	08/07/2004	KD10E	05	342	9,3	01	Trang	le'
12	000262	1001021579	Vũ Thị Kiều	Trang	15/01/2004	KD10E	05	343	3,0	01	Trang	chấn
13	000263	1001020322	Vũ Thu	Trang	12/06/2004	KD10E	05	344	6,0	02	Trang	le'
14	000264	1001021581	Ngô Anh	Tú	24/10/2004	KD10E	05	345	7,5	02	Tú	chấn
15	000265	1001021082	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/09/2004	KD10E	05	346	2,3	01	Tuyết	le'
16	000266	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	05	347	2,0	01	Vinh	chấn
17	000267	1001020340	Trần Thị Hương	Xuân	09/08/2004	KD10E	05	348	6,5	01	Xuân	le'
18	000268	0901020050	Lê Phương	Linh	27/12/2003	KD9B	05	349	4,5	01	Linh	HP,ĐK
19	000269	0901020858	Cù Thị Phương	Ly	11/06/2003	KD9B	05	350	5,5	01	Ly	le'
20	000270	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	05					HP,ĐK
21	000271	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	06					ĐK
22	000272	1001021417	Lưu Thị Quỳnh	Anh	17/08/2004	KD10G	06	351	9,5	02	Anh	chấn
23	000273	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	06	352	0,5	01	Anh	le'
24	000274	1001020048	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/01/2004	KD10G	06	353	4,3	01	Anh	chấn
25	000275	1001020485	Nông Thị Thục	Anh	23/08/2004	KD10G	06	354	4,8	01	Anh	le'
26	000276	1001020058	Chu Thị	Ánh	26/09/2004	KD10G	06	355	2,8	01	Anh	chấn
27	000277	1001020065	Trần Ngọc	Ánh	17/09/2004	KD10G	06	360	5,5 = không	01	Ánh	le'
28	000278	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	06	356	1,3	01	Bình	chấn
29	000279	1001020074	Nguyễn Thị Khánh	Chi	19/11/2004	KD10G	06	357	5,0	01	Chi	le'
30	000280	1001020947	Nguyễn Thị Lệ	Chi	05/07/2004	KD10G	06	358	7,5	02	Chi	chấn
31	000281	1001020950	Đặng Ngọc	Diễm	21/12/2004	KD10G	06	359	2,5	01	Diễm	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 01

Ngày: 18 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Lương Bùi Chi Minh Phương



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000282	1001020091	Phạm Quang	Dũng	25/11/2004	KD10G	06	151	3,0	1	Lưu	chấn
2	000283	1001020955	Đặng Thùy	Dương	21/04/2004	KD10G	06	152	3,5	1	Dương	lê
3	000284	1001020960	Phạm Hương	Giang	20/05/2004	KD10G	06	153	3,3	1	Đặng	chấn
4	000285	1001020108	Nguyễn Việt	Hà	09/10/2004	KD10G	06	154	6,8	2	Hà	lê
5	000286	1001021529	Trần Thị Thu	Hòa	13/09/2004	KD10G	06	155	5,5	1	Hòa	chấn
6	000287	1001020973	Nguyễn Thị	Hoài	28/07/2004	KD10G	06	156	2,8	1	Hoài	lê
7	000288	1001020975	Đỗ Thị	Huệ	17/04/2004	KD10G	06	157	9,3	1	Huệ	chấn
8	000289	1001021423	Nguyễn Thị Mai	Hương	17/02/2004	KD10G	06	158	8,0	2	Hương	lê
9	000290	1001020147	Đỗ Thị Thúy	Huyền	03/04/2004	KD10G	06	159	8,3	2	Huyền	chấn
10	000291	1001020152	Phùng Khánh	Huyền	11/01/2004	KD10G	06	160	4,0	01	Huyền	lê
11	000292	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	06	161	2,8	1	Lâm	chấn
12	000293	1001020367	Đoàn Khánh	Linh	03/04/2004	KD10G	06	162	5,3	1	Linh	lê
13	000294	1001020170	Nguyễn Bảo	Linh	21/08/2004	KD10G	06	163	8,8	2	linh	chấn
14	000295	1001020177	Nguyễn Thùy	Linh	25/08/2004	KD10G	06	165	4,3	1	Linh	lê
15	000296	1001021013	Lại Thị Thảo	Ly	19/09/2004	KD10G	06	166	2,5	1	ly	chấn
16	000297	1001020196	Trần Thị Ngọc	Mai	12/09/2004	KD10G	06	167	9,5	2	Mai	lê
17	000298	1001021020	Nguyễn Văn	Minh	26/01/2004	KD10G	06	168	4,3	1	Minh	chấn
18	000299	1001021745	Nguyễn Trà	My	27/03/2003	KD10G	06	169	2,0	1	My	lê
19	000300	1001020209	Đào Thị Quỳnh	Nga	01/01/2004	KD10G	06	170	9,0	1	Nga	chấn
20	000301	1001020219	Nguyễn Kim	Ngọc	13/09/2004	KD10G	06	171	9,5	02	Ngọc	lê
21	000302	1001020225	Nguyễn Thị Thanh	Nhài	17/07/2004	KD10G	06	172	8,3	02	Nhài	chấn
22	000303	1001021035	Hoàng Nguyệt	Nhi	09/05/2004	KD10G	06	173	2,0	01	Nhi	lê
23	000304	1001020235	Trịnh Yến	Nhi	13/10/2004	KD10G	06	174	7,8	02	Yến	chấn
24	000305	1001020242	Trịnh Thị Hồng	Nhung	20/05/2004	KD10G	06	176	9,3	02	Nhung	lê
25	000306	1001021043	Lê Hoàng Bảo	Phương	15/11/2003	KD10G	06	177	3,0	01	Phước	chấn
26	000307	1001020981	Phạm Thu	Phương	06/11/2004	KD10G	06	178	6,5	02	Phước	lê
27	000308	1001020261	Trương Thị	Quyên	16/02/2004	KD10G	06	179	4,5	02	Quyên	chấn
28	000309	1001020272	Đào Thanh	Thảo	29/01/2004	KD10G	06	180	8,5	1	Thảo	lê
29	000310	1001021404	Trần Thị Phương	Thảo	08/03/2004	KD10G	06	181	9,8	02	Thảo	chấn
30	000311	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	06	175	5,0	01	Thi	lê
31	000312	1001021065	Trần Thị Hà	Thu	06/01/2004	KD10G	06	164	7,8	01	Thu	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 42

Tổng số biên bản: 0

Ngày ... tháng ... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn T. Ngọc Đ. Thị Huyền Thanh



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000313	1001021068	Đỗ Thị Minh	Thùy	16/10/2004	KD10G	06	241	5,3	2	Thùy	lẻ
2	000314	1001020308	Chu Thị Huyền	Trang	27/10/2004	KD10G	06	242	4,3	1	trang	chẵn
3	000315	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	06	243	2,3	1	Trang	lẻ
4	000316	1001020451	Nguyễn Thùy	Trang	29/02/2004	KD10G	06	244	8,5	1	Trang	chẵn
5	000317	1001021582	Trần Ngọc	Tuấn	08/03/2004	KD10G	06	245	8,5	2	Tuấn	lẻ
6	000318	1001021583	Trần Thị Ánh	Tuyết	11/08/2004	KD10G	06	246	8,5	2	Tuyết	chẵn
7	000319	1001021084	Đặng Thị Thảo	Vân	21/06/2004	KD10G	06	247	3,3	1	Vân	lẻ
8	000320	1001021088	Nguyễn Thị Như	Ý	01/06/2004	KD10G	06	248	4,8	2	Ý	chẵn
9	000321	0901010899	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/11/2003	KD9N	06	249	3,8	1	Trang	lẻ
10	000322	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	07					ĐK
11	000323	1001020032	Lê Thị Quỳnh	Anh	30/12/2004	KD10H	07	250	5,8	1	Anh	lẻ
12	000324	1001020043	Nguyễn Thị Minh	Anh	20/10/2004	KD10H	07	251	0,8	1	Anh	chẵn
13	000325	1001020061	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/07/2004	KD10H	07	252	5,5	1	Anh	lẻ
14	000326	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	07	253	2,3	1	Chau	chẵn
15	000327	1001021422	Nghiêm Quỳnh	Chi	29/02/2004	KD10H	07	254	5,5	1	Chi	lẻ
16	000328	1001020082	Vũ Thị	Dịu	10/07/2004	KD10H	07	255	3,0	1	Dịu	chẵn
17	000329	1001020099	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/10/2004	KD10H	07	256	8,3	1	Giang	lẻ
18	000330	1001020100	Nguyễn Thu	Giang	21/11/2003	KD10H	07	257	2,8	1	Giang	chẵn
19	000331	1001021521	Trần Ngọc	Hà	08/04/2004	KD10H	07	258	1,0	1	Hà	lẻ
20	000332	1001020119	Nguyễn Thị	Hậu	12/12/2004	KD10H	07	259	2,8	1	Hậu	chẵn
21	000333	1001020553	Nguyễn Thúy	Hiền	09/07/2004	KD10H	07	260	4,3	1	Hiền	lẻ
22	000334	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	07	261	2,8	1	Hoài	chẵn
23	000335	1001021533	Trần Thị	Huệ	26/03/2004	KD10H	07	262	4,5	1	Huệ	lẻ
24	000336	1001020978	Hà Thị Thu	Hương	28/09/2004	KD10H	07	263	4,8	1	Hương	chẵn
25	000337	1001020142	Nguyễn Thị Xuân	Hương	05/08/2004	KD10H	07	264	5,5	1	Hương	lẻ
26	000338	1001020143	Tạ Thị	Hương	07/07/2004	KD10H	07	265	6,0	1	Hương	chẵn
27	000339	1001020148	Lê Khánh	Huyền	16/09/2004	KD10H	07	266	9,5	2	Huyền	lẻ
28	000340	1001020990	Trần Thị	Huyền	26/07/2002	KD10H	07	267	4,5	2	Huyền	chẵn
29	000341	1001020165	Đoàn Ngọc	Linh	04/03/2004	KD10H	07	268	4,0	1	Linh	lẻ
30	000342	1001020171	Nguyễn Hà	Linh	08/04/2004	KD10H	07	269	4,5	1	Linh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 35

Tổng số biên bản: 0

Ngày 18 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signature)

Vũ Thị Hoa

(Signature)

Phạm Việt Phương



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000343	1001020173	Nguyễn Ngọc	Linh	21/11/2003	KD10H	07	182	7,0	1	Linh	lẻ
2	000344	1001020172	Nguyễn Ngọc	Linh	24/11/2004	KD10H	07	183	9,0	1	Linh	chẵn
3	000345	1001021006	Nguyễn Thùy	Linh	25/10/2004	KD10H	07	184	4,5	1	Linh	lẻ
4	000346	1001020621	Lê Thị Thảo	Ly	03/02/2004	KD10H	07	185	3,8	1	Ly	chẵn
5	000347	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	07	186	Một	1	Mai	lẻ
6	000348	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	07	187	3,0	1	Mai	chẵn
7	000349	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H	07	189	4,3	1	Minh	lẻ
8	000350	1001020208	Trần Thành	Nam	14/01/2004	KD10H	07	188	5,0	1	Nam	chẵn
9	000351	1001021026	Đỗ Thị	Ngân	09/10/2004	KD10H	07	190	4,5	1	Ngân	lẻ
10	000352	1001021029	Nguyễn Minh	Ngọc	15/11/2004	KD10H	07	191	6,5	2	Ngọc	chẵn
11	000353	1001020230	Lã Yến	Nhi	14/03/2004	KD10H	07	192	1,8	1	Nhi	lẻ
12	000354	1001020653	Bùi Thị	Nhung	09/09/2004	KD10H	07	193	6,8	1	Nhung	chẵn
13	000355	1001020249	Lê Thị Thu	Phuong	12/08/2004	KD10H	07	194	6,0	1	Phuong	lẻ
14	000356	1001021045	Nguyễn Thị	Phuong	20/04/2004	KD10H	07	195	9,5	2	Phuong	chẵn
15	000357	1001020254	Trương Thu	Phuong	25/10/2004	KD10H	07	196	3,5	1	Phuong	lẻ
16	000358	1001021053	Lê Anh	Tài	28/09/2004	KD10H	07	197	8,3	2	Tài	chẵn
17	000359	1001020274	Đỗ Thị Thu	Thảo	14/11/2004	KD10H	07	198	8,8	1	Thảo	lẻ
18	000360	1001020281	Nguyễn Phuong	Thảo	14/09/2004	KD10H	07	199	1,3	1	Thảo	chẵn
19	000361	1001021060	Nguyễn Thị Phuong	Thảo	06/07/2004	KD10H	07	200	2,0	1	Thảo	lẻ
20	000362	1001021731	Phạm Thị Phuong	Thảo	11/03/2004	KD10H	07	201	0,8	1	Thảo	chẵn
21	000363	1001021308	Huỳnh Thị Thanh	Thư	08/10/2004	KD10H	07	202	7,8	1	Thư	lẻ
22	000364	1001021447	Đỗ Lê Minh	Trang	25/05/2004	KD10H	07	203	1,8	1	Trang	chẵn
23	000365	1001020313	Nguyễn Quỳnh	Trang	28/09/2004	KD10H	07	204	5,0	1	Trang	lẻ
24	000366	1001021428	Hoàng Mỹ	Uyên	04/12/2004	KD10H	07	205	1,8	1	Uyên	chẵn
25	000367	1001020337	Nguyễn Trường	Vũ	24/05/2004	KD10H	07	206	2,5	1	Vũ	lẻ
26	000368	1001020342	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	KD10H	07	207	0,8	1	Yên	chẵn
27	000369	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	07	208	0,3	1	Trang	lẻ
28	000370	0901020171	Vũ Thu	Phuong	10/10/2003	KD9H	07	209	2,3	1	Phuong	chẵn
29	000371	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	07	210	9,5	1	Trà	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 29...

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 2

Ngày 18... tháng 6... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Chung Dung

Vũ Ngọc Loan